



TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX

Tài liệu hướng dẫn sử dụng **ĐO MỨC TỰ ĐỘNG**

PHẦN MỀM QUẢN LÝ HỆ THỐNG CỬA HÀNG XĂNG DẦU

HÀ NỘI, 12/2024

BẢN GHI NHẬN THAY ĐỔI

*T - Thêm mới S - Sửa đổi X – Xoá

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
06/12/2024	2.2	Sửa đổi	S	Sửa chức năng nhập xăng dầu sáng SR1 – Load thông tin từ P XK trên SAP và kiểm soát thông tin cập nhật so với P XK.	1.1
26/04/2025	2.4	Sửa đổi	S	Bỏ nút x trên các dòng tại tất cả các tab của chứng từ KS9	1.1
23/01/2026	2.4	Sửa đổi	S	- Đưa ra thông báo lỗi thiếu thông tin nhiệt độ bể - Lấy những chứng từ SR1 có ngày giờ phút lớn hơn ngày-giờ-phút chứng từ KS5 đến thời điểm làm KS5 hiện tại. - Lấy những chứng từ SR1 có ngày-giờ-phút lớn hơn ngày- giờ - phút chứng từ KS9 đã tạo gần nhất đến thời điểm làm KS9 hiện tại - Dựa vào SR1, hệ thống lấy được mã bể (WaterID của E=2400). Từ mã bể map với trường TankIdEgas2 để lấy log nhiệt độ	1.1
03/03/2026	2.1	Sửa đổi	S	-Chặn trùng kỳ nhiệt độ bình quân theo từng CHXD, từng mặt hàng - Ẩn thông tin mặt hàng, CHXD tại danh mục kỳ VCF bình quân - Chặn xóa xóa kỳ VCF khi đã khai báo nhiệt độ bình quân	1.2
27/05/2026	2.2	Thêm mới	T	Bổ sung thêm cột "Đo mức Tự động" Nguyên tắc lấy dữ liệu: Hệ thống kiểm tra dữ liệu tại tab “Đo bể” theo các mặt hàng tương ứng của chứng từ + Nếu có thời gian AGAS trả về (thời gian AGAS # NULL) và Mã lỗi AGAS = 0: Hiển thị giá trị “X” tại cột “Đo mức Tự động”	1.3

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
15/09/2026	2.5	Sửa đổi	S	+ Ngược lại, Để trống giá trị cột "Đo mức tự động" Sửa chứng từ KS5 tương tự WS3 Lấy từ TĐH: Chọn bể --> Tự động chọn vòi ---> Bổ sung thêm nút tích chọn load từ TĐH => Căn cứ vào nút tích TĐH để load dữ liệu TĐH bể vòi bơm --> nếu Load TĐH thành công thì không cho sửa, nếu load lỗi TĐH thì cho phép sửa.	1.4

MỤC LỤC

1.	Tổng quan	5
1.1	Mục đích	5
1.2	Phạm vi tài liệu	5
1.3	Các thuật ngữ và viết tắt.....	6
2.	Các bước thực hiện	6
2.1	Nhiệt độ bình quân, Bể sử dụng ĐMTĐ	6
2.2	Nhập xăng dầu sáng – SR1	8
2.2.1	Cửa hàng có sử dụng đo mức Tự động	8
2.2.2	Cửa hàng không sử dụng đo mức Tự động (Nhập hàng thủ công)	11
2.3	Tính VCF bình quân theo kỳ.....	13
2.4	Tính nhập xuất chênh lệch nhiệt độ - KS9.....	14
2.5	Kiểm kê XDS – KS5	16
2.6	Bổ sung nhóm quyền CH8 khi làm Kiểm kê XDS – KS5	20
3.	Phụ lục 1- Công thức tính toán tại Tab “Hạch toán” trên chứng từ SR1	21
4.	Phụ lục 2: Công thức tính L15 tồn thực tế cuối tháng	23

1. Tổng quan

1.1 Mục đích

Hướng dẫn những nội dung chỉnh sửa các chứng từ trên EGAS căn cứ theo nghiệp vụ Đo mức tự động.

1.2 Phạm vi tài liệu

Tài liệu mô tả hướng dẫn sử dụng các Tcode được chỉnh sửa theo nghiệp vụ Đo mức tự động:

STT	Tcode/Danh mục	Nghiệp vụ	Nội dung chỉnh sửa	Menu
1	Danh mục cấu hình bề sử dụng ĐMTĐ	Khai báo bề có/không sử dụng ĐMTĐ, làm căn cứ để hệ thống xác định nhiệt độ tính chênh lệch	Thêm mới	Hệ thống\Cấu hình CHXD\Danh mục cấu hình bề sử dụng ĐMTĐ
2	Nhiệt độ bình quân	Khai báo nhiệt độ bình quân của từng mặt hàng tại từng CHXD, làm căn cứ để hệ thống xác định nhiệt độ tính chênh lệch	Đổi tên từ danh mục cũ "Kỳ nhiệt độ khoán"	Hệ thống\Cấu hình CHXD\Nhiệt độ bình quân
3	Tính VCF bình quân theo kỳ	Tính VCF bình quân theo kỳ	- Đối với CHXD có sử dụng ĐMTĐ: sẽ tính dựa trên nhiệt độ bề kỳ trước - Đối với CHXD không sử dụng ĐMTĐ: sẽ tính dựa trên nhiệt độ bình quân khai báo ở danh mục	Tích hợp\Master Data Company\Tính VCF bình quân theo kỳ
4	SR1	Nhập di chuyển XDS đến CHXD	- Luôn phải nhập Tab "Phần đo bề" và "Số đo vòi bơm chốt" - Tab "Hạch toán XDS" ghi nhận thông tin hạch toán theo từng bề	CHXD\Kho\Nhập di chuyển XDS đến CHXD
5	KS9	Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ	- Tính chênh lệch nhiệt độ trên từng bề, chứng từ SR1 - Đối với bề khai báo sử dụng ĐMTĐ: Sử dụng nhiệt độ bề để tính chênh lệch - Đối với bề khai báo không sử dụng ĐMTĐ: Sử dụng nhiệt độ bình quân tại danh mục để tính chênh lệch	CHXD\Kho\Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ

STT	Tcode/Danh mục	Nhiệm vụ	Nội dung chỉnh sửa	Menu
6	KS5	Kiểm kê XDS	- Bổ sung thêm chức năng lấy log bể trong thời gian quá khứ - NSD phải tạo KS9 mới được tạo KS5 - Bổ sung thông tin về tồn L15 thực tế tại thời điểm cuối tháng	CHXD\Kho\Kiểm kê XDS

1.3 Các thuật ngữ và viết tắt

Thuật ngữ, kí hiệu	Ý nghĩa
Petrolimex	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam
EGAS	Phần mềm quản lý cửa hàng bán lẻ xăng dầu
SAP	Hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp SAP của Petrolimex
VP	Khối văn phòng quản lý cửa hàng trực thuộc
CHXD	Cửa hàng xăng dầu
ĐMTĐ	Đo mức tự động
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
(*)	Dấu (*) đi kèm với tên trường nghĩa là bắt buộc nhập liệu

2. Các bước thực hiện

2.1 Nhiệt độ bình quân, Bể sử dụng ĐMTĐ

a/ Cấu hình Danh mục bể sử dụng ĐMTĐ

- Sử dụng để cấu hình bể có sử dụng đo mức tự động để lấy thông tin của bể
- Thực hiện tại menu: **Hệ thống/Cấu hình CHXD/ Danh mục cấu hình bể sử dụng ĐMTĐ**

Danh mục cấu hình bể sử dụng ĐMTĐ				Show 100 lines
	Thêm	Lưu (Ctrl-S)	Refresh	Tìm: Any > CHXD
[Sys]	Bể chứa	CHXD	ĐMTĐ	
1 212003	63003 - Bể 3 - DO 0.001S-V	212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63_Client UAT	Có dùng	▼
2 212004	63001 - Bể 1 - E5 RON92-II	212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63_Client UAT	Có dùng	▼
3 212005	63022 - Bể 2 - DO 0.001S-V	212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63_Client UAT	Có dùng	▼
4 212006	63002 - Bể 2 - RON95-IV	212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63_Client UAT	Có dùng	▼
5 212007	60022 - Bể 2 - RON95-IV	212060 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 60	Không dùng	▼

Thực hiện cập nhật cho từng bể của từng cửa hàng bằng cách kích nút **Thêm** :

- + Bể chứa: Mã bể và tên bể chứa
- + CHXD: Mã cửa hàng và tên cửa hàng
- + ĐMTĐ: Có dùng – thực hiện lấy thông tin bể tự động, không dùng – không lấy thông tin bể tự động

Danh mục cấu hình bề sử dụng ĐMTĐ

<> Lưu (Ctrl-S) Xóa Back ?

[Sys] 212012

Bề chứa 60041 - Bể 4 - E5 RON92-II (*)

CHXD 212060 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 60 (*)

ĐMTĐ Có dùng v (*)

Sau khi cập nhật thông tin cần sửa kích nút “**Lưu (Ctrl-S)**”; kích nút “**xóa**” để xóa

b/ Nhiệt độ bình quân:

- Sử dụng cho các cửa hàng không có ĐMTĐ hoặc có sử dụng ĐMTĐ nhưng hệ thống bị hỏng. Nhập nhiệt độ bình quân của bề cho từng cửa hàng theo Từ ngày, Đến ngày.
- Nhiệt độ giao nhập lẻ 2 số sau dấu phẩy. Trong quá trình tính toán, chương trình sẽ tự động làm tròn nhiệt độ để tra bảng 54B. Nguyên tắc làm tròn thực hiện theo văn bản 0981/PLX-KTXD ngày 26/07/2013.
- Thực hiện: **Menu Hệ thống/Cấu hình CHXD/ Kỳ VCF, Kỳ nhiệt độ bình quân.**

Kỳ VCF bình quân

Thêm Lưu (Ctrl-S) Refresh

Trang 1 v Đến trang: 1 2 3 4

	[Sys] v	Từ ngày v	Đến ngày v	Mã kỳ VCF v	Ghi chú v	
1	662656	1/3/2026	10/3/2026			
2	662655	21/2/2026	28/2/2026			
3	662654	11/2/2026	20/2/2026			
4	662653	1/2/2026	10/2/2026			

+ Kích chọn kỳ VCF để khai nhiệt độ bình quân

Kỳ VCF bình quân

<> Lưu (Ctrl-S) Xóa Back ?

[Sys] 662656

Từ ngày 1/3/2026 (*)

Đến ngày 10/3/2026 (*)

Mã kỳ VCF

Ghi chú

Nhiệt độ bình quân

Nhiệt độ bình quân /70101736 Show 100 lines [IMPORT] ?

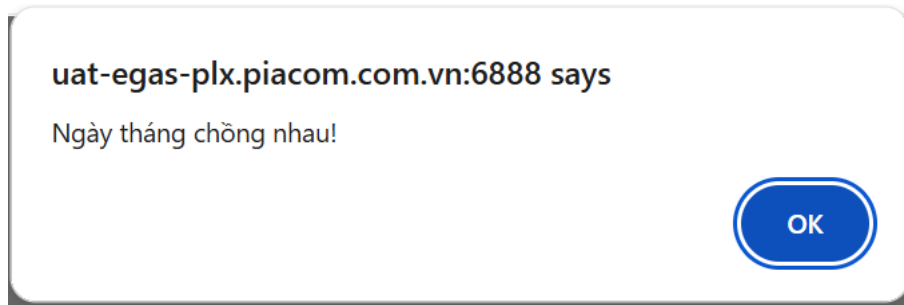
Thêm Lưu (Ctrl-S) Refresh - Hàng hóa: Kho, CHXD:

[Sys] v	Kỳ VCF v	Hàng hóa v	Cửa hàng v	Nhiệt độ v	Từ ngày v	Đến ngày v	Mã kỳ VCF v	
1	662657	70101736 0601005 - Dầu Điệnzen 0,001S Mức 5	212005 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG (	22	1/3/2026 0.00	10/3/2026 23.59		
2	662658	70101736 0201032 - Xăng RON 95 Mức 3	212005 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG (	22.50	1/3/2026 0.00	10/3/2026 23.59		

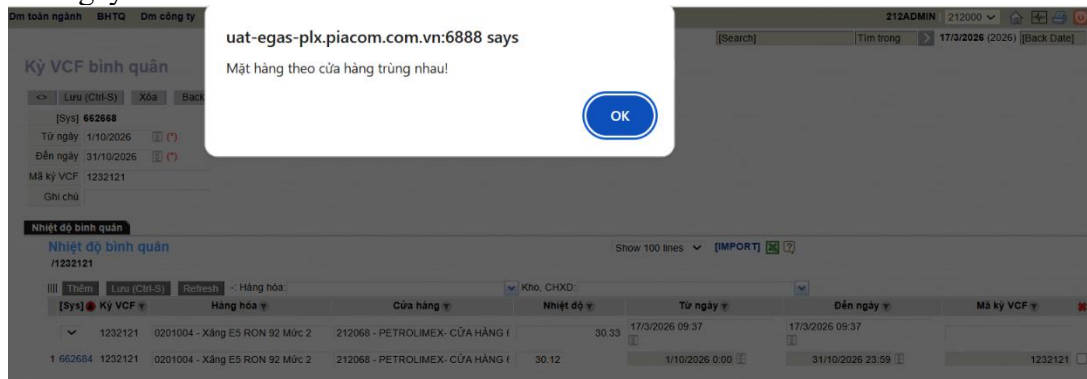
+ Chọn hàng hóa, cửa hàng và nhập các thông tin liên quan.

Lưu ý:

- Hệ thống chặn nếu khai trùng Kỳ VCF bình quân khi khai báo trùng kỳ hiệu lực từ ngày đến ngày



- Hệ thống chặn khai báo trùng Nhiệt độ bình quân theo Cửa hàng, hàng hóa, kỳ từ ngày đến ngày



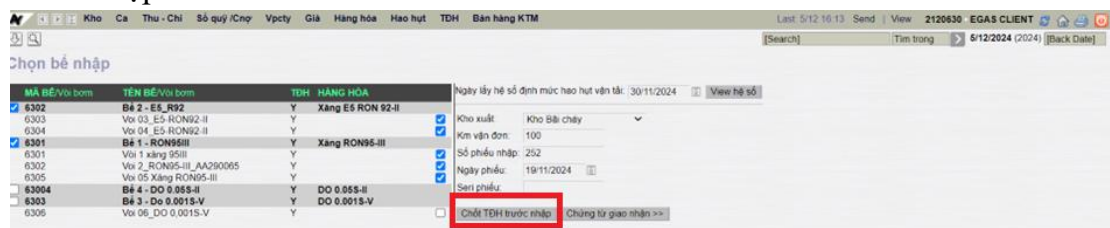
- Hệ thống cho phép xóa Kỳ VCF bình quân, đồng thời xóa luôn cả Nhiệt độ bình quân chi tiết liên quan đến kỳ VCF bình quân.

2.2 Nhập xăng dầu sáng – SR1

2.2.1 Cửa hàng có sử dụng đo mức Tự động

Các bước thực hiện trong chương trình:

- ❖ Trước khi nhập hàng xuống bể:
 - Vào Menu: CHXD\ Kho \ Nhập di chuyển XDS đến CHXD
 - Chọn bể, vòi bơm hàng hóa cần nhập hàng → Chọn Kho xuất hàng → Nhập số phiếu và ngày phiếu của vận đơn, Seri phiếu (không bắt buộc) → Kích “Chốt TĐH trước nhập”.



- Hệ thống tự động load thông tin của các tab sau:
 - + **Tab vận đơn:**
 - ✓ Hàng hóa: Hệ thống load mật hàng theo bể được chọn
 - ✓ Nhiệt độ, Dens 15 (x1000), VCF: Hệ thống load theo thông tin vận đơn trên SAP căn cứ theo Số phiếu xuất, Kho xuất, Ngày xuất. Nếu hệ thống không tìm được PXX trên SAP, thì NSD sẽ phải nhập lại thủ công.

- ✓ Lit TT: Hệ thống load theo thông tin vận đơn trên SAP căn cứ theo Số phiếu xuất, Kho xuất, Ngày xuất theo công thức: LTT trên SR1 đang nhập = LTT trên PXX_SAP - LTT trên các chứng từ SR1 khác đã nhập cho số PXX đang được chọn. Nếu hệ thống không tìm được PXX trên SAP, thì NSD sẽ phải nhập lại thủ công
- ✓ L15: Hệ thống load theo thông tin vận đơn trên SAP căn cứ theo Số phiếu xuất, Kho xuất, Ngày xuất theo công thức: L15 trên SR1 đang nhập = L15 trên PXX_SAP – L15 trên các chứng từ SR1 khác đã nhập cho số PXX đang được chọn. Nếu hệ thống không tìm được PXX trên SAP, thì chương trình sẽ tự tính sau khi người sử dụng đã cập nhật nhiệt độ, Den15, Lít TT và nếu L15 bị chênh lệch do làm tròn thập phân với PXX thì người dùng sửa lại như PXX.
- ✓ ĐCNB (điều chuyển nội bộ): người sử dụng cập nhật thủ công nếu có.

Nhập di chuyển XDS đến CHXD - Google Chrome

Không bảo mật 10.59.254.102:6016/TRX/TR.aspx?tt=SR1&noheader=on

Ngày giờ: 24/12/2024 14:29 Ghi chú (header):

Vận đơn Số đo phương tiện Hạch toán XDS ĐO BẾ TÈH TR. NHẬP (v.v. đơn: 252) CHỐT VỚI BOM TR. NHẬP Thông tin bổ sung

Số xe khaiidz - 20H3365 Ghi chú:

	Hàng hóa	Nhiệt độ	Dens 15 (x1000)	VCF	Lít TT	L15	ĐCNB	Từ kho	Ngày phiếu	Số phiếu	Km	Lít nhập bể 6 000.00
1	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	34.20	732	0.9759	1000	976	0	262A - Kho Bãi cháy	19/11/2024	252	18	1000 X Load PXX
2	0201032 - Xăng RON95-III	32.20	752	0.9792	5000	4895	0	262A - Kho Bãi cháy	19/11/2024	252	18	5000 X Load PXX
3							0					X Load PXX
4							0					X Load PXX
5							0					X
6							0					X

- + **Tab Thông tin bổ sung:** Hệ thống sẽ tự động Load các thông tin về Hàng hóa, Ngăn, LTT, nhiệt độ, L15, Den15 theo thông tin vận đơn trên SAP, các thông tin này người dùng có thể sửa lại được. Các thông tin còn lại người sử dụng có thể cập nhật theo thực tế.

Ngày giờ: 24/12/2024 14:33 Ghi chú (header):

Vận đơn Số đo phương tiện Hạch toán XDS ĐO BẾ TÈH TR. NHẬP (v.v. đơn: 252) CHỐT VỚI BOM TR. NHẬP Thông tin bổ sung

Số xe khaiidz - 20H3365 Ghi chú:

	Hàng hóa	Ngăn	H tẩm mức - VD	H tẩm mức - GN	H min(đường kính)	LTT	Chênh lệch VD - Sau bơm	SL bơm thêm	Vật - GN	Nhiệt độ	L15	Số hiệu niêm	Số mẫu lưu - VD	Số mẫu lưu - GN
1	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	Ngăn 1	3		0	1000	0.000	0.000	1 000.00	32.20	976	0256		
2	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	Ngăn 2	-3		0	2 000	0.000	0.000	2 000.00	32.20	1 887	0256		
3	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	Ngăn 3	3		0	3 000	0.000	0.000	3 000.00	32.20	2 890	0256		

- + **Tab Số đo phương tiện:**
 - ✓ Hệ thống sẽ tự động Load số xe theo thông tin vận đơn trên SAP căn cứ theo Số phiếu xuất, Kho xuất, Ngày xuất với điều kiện số xe này đã có trong danh mục phương tiện vận chuyển. Nếu hệ thống không tìm được PXX trên SAP, thì NSD sẽ phải nhập lại thủ công.
 - ✓ Với trường Nhiệt độ, Lít TT người sử dụng cập nhật theo thông tin trên phương tiện, và có thể sử dụng chức năng Copy from Vận đơn để Copy thông tin từ tab vận đơn.

Nhập di chuyển XDS đến CHXD

Ngày giờ: 24/12/2024 14:33 Ghi chú (header):

Vận đơn Số đo phương tiện Hạch toán XDS ĐO BỂ TĐH TR. NHẬP (#v.đơn: 252) CHỐT VỎI BOM TR. NHẬP Thống tin bổ sung

Số xe: khaidz - 20H3365 Ghi chú:

Hàng hóa [Copy from Vận đơn] Nhiệt độ Lít TT

		Nhiệt độ	Lít TT
1	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	34.20	1000 X
2	0201032 - Xăng RON95-III	32.20	5000 X
3			X
4			X
5			X
6			X

+ **Tab Đo bể TĐH TR. Nhập:**

✓ Hệ thống sẽ tự động Load số đo bể trước nhập

Nhập di chuyển XDS đến CHXD

Ngày giờ: 24/12/2024 14:33 Ghi chú (header):

Vận đơn Số đo phương tiện Hạch toán XDS ĐO BỂ TĐH TR. NHẬP (#v.đơn: 252) CHỐT VỎI BOM TR. NHẬP Thống tin bổ sung

/ Ghi chú:

	Bể chứa	Nhiệt độ	Tỷ trọng 15 (±1000)	VCF	WCF	Hc	Hn	Vc	Vn	TĐH	Mục đích đo	T.gian Agas trả KQ về	Mã lỗi	V số	V tại LIS
1	63002 - Bể 2 - E5 [TRƯỚC NHẬP]	25.12	0.00	0.000	0.000	235.00	2.00	720.00	0.00	1	11	24/12/2024 14:33	0	720.00	710.00
2	63001 - Bể 1 - RON95-III [TRƯỚC NHẬP]	25.12	0.00	0.000	0.000	235.00	2.00	991.00	2.00	1	11	24/12/2024 14:32	0	990.00	982.00
3										0					
4										0					
5										0					
6										0					
7										0					

✓ Đối với trường hợp không Load được thông tin bể trước nhập tự động hệ thống sẽ hiện thị lại nút **Load TĐH** để người sử dụng Load lại.

Nhập di chuyển XDS đến CHXD

Ngày giờ: 24/12/2024 14:39 Ghi chú (header):

Vận đơn Số đo phương tiện Hạch toán XDS ĐO BỂ TĐH TR. NHẬP (#v.đơn: 252) CHỐT VỎI BOM TR. NHẬP Thống tin bổ sung

/ Ghi chú:

	Vòi bơm	Số đầu	Số cuối	Có TĐH	Time Agas - số đầu	Mã lỗi	Time Agas - số cuối	Chênh lệch
1	630006 - Vòi 6_E5	7 039.770	0.00	1	24/12/2024 14:39	0		
2	630001 - Vòi 1_RON 95III	0.000	0.000	1	24/12/2024 14:39	411		Load TĐH
3	630002 - Vòi 2_RON 95III	15 550.783	0.00	1	24/12/2024 14:39	0		
4	630003 - Vòi 3_RON 95III	14 456.295	0.00	1	24/12/2024 14:39	0		
5		0.000	0.000	0		0		
6		0.000	0.000	0		0		

+ **Tab Chốt vòi bơm TR. Nhập:**

✓ Hệ thống sẽ tự động Load số đo vòi bơm trước nhập

✓ Đối với trường hợp không Load được thông tin vòi bơm trước nhập tự động hệ thống sẽ hiện thị lại nút **Load TĐH** để người sử dụng Load lại.

Nhập di chuyển XDS đến CHXD

Ngày giờ: 24/12/2024 14:41 Ghi chú (header):

Vận đơn Số đo phương tiện Hạch toán XDS ĐO BỂ TĐH TR. NHẬP (#v.đơn: 252) CHỐT VỎI BOM TR. NHẬP Thống tin bổ sung

/ Ghi chú:

	Vòi bơm	Số đầu	Số cuối	Có TĐH	Time Agas - số đầu	Mã lỗi	Time Agas - số cuối	Chênh lệch
1	630006 - Vòi 6_E5	7 039.770	0.00	1	24/12/2024 14:39	0		
2	630001 - Vòi 1_RON 95III	23 518.548	0.00	1	24/12/2024 14:41	0		
3	630002 - Vòi 2_RON 95III	15 550.783	0.00	1	24/12/2024 14:39	0		
4	630003 - Vòi 3_RON 95III	14 456.295	0.00	1	24/12/2024 14:39	0		
5		0.000	0.000	0		0		
6		0.000	0.000	0		0		
7		0.000	0.000	0		0		

- Sau khi load được đầy đủ các thông tin trước nhập người sử dụng kích nút **Lưu**.

❖ Sau khi hoàn thành nhập hàng xuống bể:

- Vào Menu: CHXD\ Kho\ Nhập di chuyển XDS đến CHXD

- Chọn bể, vòi bơm hàng hóa cần nhập hàng → Chọn Kho xuất hàng → Nhập số phiếu và ngày phiếu của vận đơn, Seri phiếu (không bắt buộc) → Kích “Chứng từ giao nhận”

- Tại Tab **Vận đơn, Số đo phương tiện, Thông tin bổ sung**: Hệ thống sẽ tự động Load lại thông tin mà người dùng đã **Lưu** trước nhập và có thể sửa lại các thông tin cho đúng với thực tế nhập.
- Tại Tab **Phần đo bể, Số đo vòi bơm chốt**: Hệ thống sẽ tự động Load các thông tin tự động hóa trước nhập và sau nhập, trường hợp không Load được thông tin bể, vòi bơm bằng tự động hóa sau nhập thì chương trình hiển thị nút Load TDH để người dùng Load lại thông tin.
- Tab **“Hạch toán XDS”**: hệ thống tự động tính toán công thức các cột theo công thức tính tại [Phụ lục 1](#)
- Kích chọn nút “Lưu” để hoàn thành chứng từ nhập SR1

❖ **Chú ý:**

- Khi người dùng gõ lại thông tin Lít TT trên Tab Vận đơn mà lớn hơn P XK thì chương trình sẽ báo lỗi và không cho lưu chứng từ, trường hợp mất kết nối không thể kiểm tra thì chương trình vẫn cho lưu chứng từ.

- Ngày chứng từ SR1 phải lớn hơn ngày P XK

2.2.2 Cửa hàng không sử dụng đo mức Tự động (Nhập hàng thủ công)

- Thực hiện nhập hàng vào bể, Khi nhập hàng cần lấy đo bể và chốt vòi bơm trước nhập và sau nhập (Thực hiện thủ công, ngoài phần mềm)
- Cập nhật chứng từ nhập hàng
 - + Vào Menu: CHXD\ Kho\ Nhập di chuyển XDS đến CHXD
 - + Chọn bể hàng hóa cần nhập hàng → Chọn Kho xuất hàng → Nhập số phiếu và ngày phiếu của vận đơn, Seri phiếu (không bắt buộc) → Kích “Chứng từ giao nhận”

Chọn bể nhập

MA BỂ/Vòi bơm	TÊN BỂ/Vòi bơm	TDH	HÀNG HÓA
6302	Bể 2 - E5_R92	Y	Xăng E5 RON 92-II
6303	Vòi 03_E5-RON92-II	Y	
6304	Vòi 04_E5-RON92-II	Y	
6301	Bể 1 - RON95III	Y	Xăng RON95-III
6301	Vòi 1 xăng 95III	Y	
6302	Vòi 2_RON95-III_AA290065	Y	
6305	Vòi 05 Xăng RON95-III	Y	
63004	Bể 4 - DO 0.05S-II	Y	DO 0.05S-II
6303	Bể 3 - DO 0.001S-V	Y	DO 0.001S-V
6306	Vòi 06_DO 0.001S-V	Y	

Ngày lấy hệ số định mức hao hụt vận tải: 30/11/2024 View hệ số

Kho xuất: Kho Bãi cháy
Km vận đơn: 100
Số phiếu nhập: 252
Ngày phiếu: 19/11/2024
Seri phiếu:

Chốt TDH trước nhập Chứng từ giao nhận >>>

- Tại Tab **Vận đơn**: Người sử dụng kích nút **Load PXX** để hệ thống Load các thông tin từ Phiếu xuất kho của SAP, trong trường hợp không Load được tự động người dùng cập nhật lại các thông tin theo phiếu xuất kho.
- Tại Tab **Số đo phương tiện**: Người sử dụng cập nhật số xe và Nhiệt độ, Lít TT theo thông tin trên phương tiện, và có thể sử dụng chức năng Copy from Vận đơn để Copy thông tin từ tab vận đơn
- Tại Tab **Phần đo bể, Số đo vòi bơm chốt**: Người sử dụng cập nhật thủ công các thông tin về bể vòi bơm trước nhập và sau nhập.
- Tại Tab “Hạch toán XDS”: hệ thống tự động tính toán công thức các cột theo công thức tính tại [Phụ lục 1](#)
- Tại Tab “**Thông tin bổ sung**”: Nhập thông tin các ngăn như cách thức nhập trước đây.
- Kích chọn nút “Lưu” để hoàn thành chứng từ nhập SR1

Nhập di chuyển XDS đến CHXD

Ngày giờ: 6/12/2024 09:09 Ghi chú (header):

Tab vận đơn | Số đo phương tiện | Hạch toán XDS | Phần đo bể | Số đo vòi bơm chốt | Thông tin bổ sung

Chỉ	Bể chứa	Nhiệt độ T ₁ trong 15 (x1000)	VCF	WCF	Hc	Hn	Vc	Vn	TDH	Mục đích đo	T.gian Agas trả KQ về	Mã lỗi	V lít	V tại L15
1	6301 - BỂ 1 - RON95III (TRƯỚC NHẬP)	15.00	823.00	1	0.8219	0	0	0.0	0.0	0	11		6 000.00	6 000.00
2													1 000	1 000
3	6301 Bể cập nhập chứng từ, số: SR1.3714				0.8219	0	0	0.0	0.0	0	12		6 000	6 000
4														
5														
6														
7														
8														
9														

Biên bản giao nhận Print
Sửa GL View Close
(chạy ms 5095, trace ms 375)

❖ Chú ý:

- Khi người dùng gõ lại thông tin Lít TT trên Tab Vận đơn mà lớn hơn PXX thì chương trình sẽ báo lỗi và không cho lưu chứng từ, trường hợp mất kết nối không thể kiểm tra thì chương trình vẫn cho lưu chứng từ.

Vận đơn | Số đo phương tiện | Hạch toán XDS | Phần đo bể | Số đo vòi bơm chốt | Thông tin bổ sung

Số xe 29H3365 - 29H3365 Ghi chú

Chỉ	Hàng hóa	Nhiệt độ T ₁ trong 15 (x1000)	VCF	WCF	Hc	Hn	Vc	Vn	TDH	Tư kho	Ngày phiếu	Số phiếu	Km	Lít nhập bể
1	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	34.20	732	0.9759	5	100	4	977	0	262A - Kho Bãi cháy	19/11/2024	252	100	5 100.00 X Load PXX
2														X
3														X
4														X
5														X
6														X

Please wait...
SAVING FAILED.
[Vận đơn] (Lượng nhập đang lớn hơn lượng xuất trên SAP, dòng 1, lượng SAP=5000, Lượng nhập trên chứng từ=5100) [Error code = 003.1]
Back

- Ngày chứng từ SR1 phải lớn hơn ngày PXX
- Kiểm tra hình thức và dữ liệu cột "ĐMTĐ"
 - Kiểm tra Tab "Phần đo bể"/ Toàn bộ các dòng "T.gian Agas trả KQ về" khác Rỗng và Mã lỗi = 0 theo từng mặt hàng và tích "X" vào dòng ĐMTĐ tương ứng
 - Các trường hợp còn lại để trống không tích "X"

	Nhiệt độ	Tỷ trọng 15 (x1000)	VCF	WCF	Hc	Hn	Vc	Vn	TDH	Mục đích đo	T.gian Agas trả KQ về	Mã lỗi	Người đo
(mới)	25.12	809	0.9909	0.8079	400	2	1 568	0	1	N5 - Đo trước nhập di chuyển NB City	21/5/2026 18:58	0	2120630 - CH063 - CHT
95-IV	25.12	800.90	0.9907	0.7998	100	0	204	0.60	0	N5 - Đo trước nhập di chuyển NB City			2120630 - CH063 - CHT
(mới)	25.12	809	0.9909	0.8079	500	2	2 161	0	1	N6 - Đo sau nhập di chuyển NB City	21/5/2026 18:59	0	2120630 - CH063 - CHT
95-IV	25.12	800.90	0.9907	0.7998	200	0	569	0.60	0	N6 - Đo sau nhập di chuyển NB City			2120630 - CH063 - CHT
		0											
		0											
		0											

- Kiểm tra báo cáo theo đường dẫn "CHXD/ Hàng hóa/ Bảng kê nhập di chuyển XDS (id=BKNhapXDS_2)"/ Cột ĐMTĐ

STT	Hàng hóa/Cửa hàng	Số PXK	Lệnh điều động	Ngày CTĐ	ĐVT	Nhiệt độ	Tỷ trọng	Vận đơn	PTVC tại CHXD				Hạch toán		Kho xuất hàng	Số xe	DCNB	ĐMTĐ	Ghi chú
								VCF	SL LTT	SL L15	SL LTT	SL L15	SL LTT	SL L15					
1	0201004 - XĂNG E5 RON 92 MỨC 2								1.350,00	1.331,00	1.350,00	1.331,00	1.350,00	1.331,00					
1	212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 Client UAT	21212121	123456	21/5/2026 18:36	Lit	30,00	789,0	0,9857	850,00	838,00	850,00	838,00	850,00	838,00	262A - Kho Bãi cháy	0000001412	x		2121212121
2	212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 Client UAT	98701	56789	21/5/2026 18:59	Lit	30,00	790,0	0,9857	500,00	493,00	500,00	493,00	500,00	493,00	262A - Kho Bãi cháy	0000001412	x		2121212121
2	0201042 - XĂNG RON95-IV								300,00	296,00	300,00	296,00	300,00	296,00					
1	212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 Client UAT	98701	56789	21/5/2026 18:59	Lit	30,00	790,0	0,9857	300,00	296,00	300,00	296,00	300,00	296,00	262A - Kho Bãi cháy	0000001412			2121212121
	TỔNG CỘNG								1.650,00	1.627,00	1.650,00	1.627,00	1.650,00	1.627,00					

2.3 Tính VCF bình quân theo kỳ

- Nguyên tắc
 - Tất cả các CHXD tại các CTXD đều dùng chung một công thức xác định VCF bình quân theo kỳ dựa vào “Nhiệt độ bình quân”.
 - Thời điểm tính VCF bình quân là ngày đầu của kỳ tính toán
- Hệ thống xác định các thông tin về Nhiệt độ tính VCF bình quân:

- **Đối với các CHXD đã sử dụng hệ thống ĐMTĐ:**

Nhiệt độ tính VCF bình quân (T_{tính.VCFbq}) được xác định là Nhiệt độ bình quân thực tế của mặt hàng tại các bể trong kỳ trước, dữ liệu tính toán lấy theo log nhiệt độ tại bể ghi nhận từ hệ thống TĐH theo chu kỳ 6 giờ/lần.

Áp dụng công thức tính:

Nhiệt độ bình quân thực tế tại bể = Tổng nhiệt độ của các log bể/Số lượng log bể theo chu kỳ thời gian

- **Đối với các CHXD chưa sử dụng hệ thống ĐMTĐ:**

Nhiệt độ tính VCF bình quân (T_{tính.VCFbq}) được xác định là nhiệt độ bình quân áp dụng cho từng CHXD (nhiệt độ này được đơn vị quản lý và khai báo tại danh mục “Nhiệt độ bình quân”).

⇒ Hệ thống sẽ lưu lại “nhiệt độ tính VCF bình quân” tại bảng dữ liệu VCF theo từng mặt hàng, cửa hàng, kỳ tính toán.

- Thực hiện: Văn phòng thực hiện tại Menu

Tích hợp/Master Data Company/Tính VCF bình quân theo kỳ.

Master Data Global Master Data Company CSDL trung gian

All menus

TÍNH VCF BÌNH QUÂN THEO KỲ

Chọn cửa hàng

☐ [CHECK ALL]

☐ 212001 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 01_CuongNK

☐ 212004 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK

☐ 212005 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 05

☐ 212014 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 14_XuanNT

☐ 212017 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 17

☐ 212018 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 18

☐ 212019 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 19_B12

☐ 212030 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 30_B12

☐ 212031 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 31_KV5

☐ 212032 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 32

☐ 212041 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 41_KV5

☐ 212042 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 42

Kỳ tính 21/ 11/2022 - 30/ 11/2022 >

Chọn cửa hàng cần tính, chọn Kỳ tính (hiển thị 10 kỳ gần nhất) → Chọn > → Chương trình tính và đưa kết quả vào bảng VCF vào phần Tích hợp

Chú ý:

- Ngày hiệu lực của VCF là Từ ngày của Kỳ tính
 - Nếu trong kỳ không có chứng từ nhập thì sẽ không tính lại VCF, khi tích hợp sẽ sử dụng kỳ VCF trước đó.
- Phương pháp tính VCF bình quân:

VCF bq: tính trên cơ sở D15 bq của chu kỳ trước và nhiệt độ tính VCF bình quân tương ứng với kỳ tính (T _{tính.VCFbq}), trong đó:

$$D15 \text{ bq} = \frac{\text{Tổng (D15 nhập} * V15 \text{ từng chứng từ nhập)}}{\text{Tổng V15}}$$

Hệ thống sẽ lưu lại “VCF bình quân” tại bảng dữ liệu theo từng mặt hàng, cửa hàng, kỳ tính toán.

Master Data Global Master Data Company CSDL trung gian

VCF hàng hóa

[EDIT ALL] Show 100 lines [IMPORT]

Thêm [Hàng hóa]: CHXD [Đến ngày: [Enter]]

[Sys Key]	Hàng hóa	VCF	Nhiệt độ TDH	Ngày hiệu lực	CHXD (Đề trình=All)
1 258462	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	0.9864	26,66	21/11/2022	212080 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 80 - hanhtht
2 258463	0201042 - Xăng RON95-IV	0.9862	27,52	21/11/2022	212080 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 80 - hanhtht
3 258460	0201042 - Xăng RON95-IV	0.9911	23,09	21/10/2022	212076 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 76
4 258461	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	0.9905	23,33	21/10/2022	212076 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 76
5 258343	0601005 - DO 0.001S-V	0.9931		1/3/2020	212064 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 64 - TrungNH
6 258344	0201042 - Xăng RON95-IV	0.9892		1/3/2020	212064 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 64 - TrungNH
7 258345	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	0.9898		1/3/2020	212064 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 64 - TrungNH
8 258346	0601002 - DO 0.05S-II	0.9935		1/3/2020	212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63_Client UAT
9 258347	0601005 - DO 0.001S-V	0.9935		1/3/2020	212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63_Client UAT

*** Lưu ý:** Nếu cửa hàng nào không xác định được nhiệt độ thì sẽ thông báo lỗi cho người dùng.

2.4 Tính nhập xuất chênh lệch nhiệt độ - KS9

- Sử dụng tại các cửa hàng có ĐMTĐ hoặc các CHXD có khai báo nhiệt độ bình quân tại danh mục Nhiệt độ bình quân tại thời điểm kiểm kê (thay đổi giá bán, cuối tháng,...)
- Thực hiện: cửa hàng thực hiện tại Menu CHXD/Kho/Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ

Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ

Ngày nhập xuất (đến ngày): 13/2/2025 8:53

Ngày tính nhập xuất chênh lệch lần trước: 13/2/2025 8:53

Next >>

Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ

KS9.91101

OLD TRANSACTION.

Ngày xuất hao hụt: 13/2/2025 8:53

Xuất Nhập Chi tiết

/ Ghi chú:

	Hàng hóa	Tổng nhập có chênh lệch	Số lượng	Bể
1	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	5 000	33	6301 - Bể 1 - E5 RON92
2				

Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ
KS9.91101
OLD TRANSACTION.
Ngày xuất hao hụt: 13/2/2025 8:53

Xuất Nhập Chi tiết

/ Ghi chú: Chứng từ KS9 được tạo trước kiểm kê (13/2/2025 9:06)

	Hàng hóa	Lượng chênh lệch	T tính C/Lệch	Ngày C/L	Số tham chiếu	Nhiệt độ TDH	Sử dụng ĐMTD	Bể
1	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	0	30	11/11/2024 13:25	1907758	0	Không dùng TDH bể	6302 - Bể 2 - E5_R92
2	0201032 - Xăng RON95-III	0	29	11/11/2024 13:25	1907758	0	Không dùng ĐMTD	6301009 - Bể 10 - RON95III
3	0201032 - Xăng RON95-III	-10.40	30	11/11/2024 13:25	1907758	0	Không dùng ĐMTD	6301009 - Bể 10 - RON95III
4	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	33	29	13/12/2024 13:50	2120631823247	0	Không dùng ĐMTD	6301 - Bể 1 - E5 RON92

- Chọn ngày nhập xuất (đến ngày). → Next → Chương trình sẽ tính ra lượng nhập, xuất cho các chứng từ nhập từ “Ngày tính nhập xuất chênh lệch lần trước” đến “Ngày chọn”, theo nhiệt độ giao theo từng Kỳ khoán → Bấm “Lưu” để tạo chứng từ.

Lưu ý:

- “Ngày tính nhập xuất chênh lệch lần trước” do chương trình tự động lấy từ chứng từ nhập xuất gần nhất. Do vậy khi muốn xóa chứng từ thì phải xóa lần lượt từ kỳ gần nhất trở lại.
- Lấy những chứng từ SR1 có ngày giờ phút lớn hơn ngày-giờ-phút chứng từ KS5 đến thời điểm làm KS5 hiện tại để tính KS9.
- Lấy những chứng từ SR1 có ngày-giờ-phút lớn hơn ngày- giờ - phút chứng từ KS9 đã tạo gần nhất đến thời điểm làm KS9 hiện tại
- Dựa vào SR1, hệ thống lấy được mã bể (WaterID của E=2400). Từ mã bể map với trường TankIdEgas2 để lấy log nhiệt độ
- Đưa ra thông báo lỗi thiếu thông tin nhiệt độ bể:

Danh sách lỗi:

Số chứng từ	Ngày chứng từ	Mã bể	Lỗi
SR1.2843	15/1/2026 17:04	630066	Chưa khai báo nhiệt độ bình quân cho mặt hàng trong Danh mục

Back

- Phương pháp tính:
Theo từng bể, chứng từ nhập trong kỳ
 $V_{cl\text{ bể}} = V_{ttvd\text{ bể}} - V_{ttqd\text{ bể}}$
Trong đó:

- Vttvd bể: số lít nhập thực tế vào bể = Số LTT hạch toán vào bể (Tab “Hạch toán XDS” chứng từ SR1)
- Vttqd bể: số lít thực tế quy đổi theo nhiệt độ hàng hóa tại bể nhập
Công thức tính: $Vttqd\ bể = V15vd\ bể / VCFbenhap$

Trong đó:

$V15vd\ bể = L15$ hạch toán vào bể (Tab “Hạch toán XDS” chứng từ SR1)

$VCFbenhap$: tính từ D15 vận đơn và nhiệt độ bể nhập (*)

(*) Trong đó nhiệt độ bể nhập được xác định theo nguyên tắc sau:

- Bể nhập được khai báo sử dụng ĐMTĐ, nhiệt độ hàng hóa bể nhập được xác định: Lấy nhiệt độ của log nhiệt độ gần nhất tại bể nhập tại thời điểm sau 120 phút nhập hàng và không quá 180 phút sau thời gian kết thúc nhập hàng; hoặc lấy nhiệt độ của bể tại thời điểm kiểm kê

Lưu ý:

Hệ thống không xác định được nhiệt độ thì sẽ có cảnh báo về chứng từ SR1 không xác định được nhiệt độ (các thông tin cảnh báo bao gồm: số chứng từ, bể chứa, ngày chứng từ, mặt hàng) và dừng không tạo chứng từ KS9.

Các bước xử lý đối với cửa hàng có ĐMTĐ khi KS9 cảnh báo SR1 không xác định được nhiệt độ hoặc không xác định được thời gian kết thúc nhập hàng

- B1: Tạo chứng từ KS9 trước ngày chứng từ SR1 bị lỗi
- B2: Thiết lập bể nhập hàng tại chứng từ SR1 bị lỗi từ có sử dụng ĐMTĐ về không sử dụng ĐMTĐ
- B3: Khai báo nhiệt độ bình quân cho mặt hàng của bể bị lỗi
- B4: Tạo chứng từ KS9 trong khoảng thời gian tính đến ngày chứng từ SR1 bị lỗi để hệ thống lấy nhiệt độ bình quân được khai báo trong Danh mục Nhiệt độ bình quân.
- B5: Sau khi tạo xong chứng từ KS9 cho chứng từ SR1 bị lỗi NSD tiến hành thiết lập lại bể từ không sử dụng ĐMTĐ sang có sử dụng ĐMTĐ
- B6: Tiếp tục tạo KS9 tới thời điểm kiểm kê nếu vẫn còn chứng từ SR1 chưa được tính chênh lệch nhiệt độ
- Bể nhập không khai báo sử dụng ĐMTĐ, nhiệt độ hàng hóa bể nhập lấy theo nhiệt độ khai báo tại danh mục Nhiệt độ bình quân.

Tổng lượng Vcl (không bù trừ lượng tăng/giảm) làm cơ sở để tạo chứng từ “KS9 chênh lệch nhiệt độ” theo nguyên tắc:

+ $Vcl\ bể < 0 \rightarrow$ đưa vào phần Nhập

+ $Vcl\ bể > 0 \rightarrow$ đưa vào phần Xuất

2.5 Kiểm kê XDS – KS5

- Hệ thống sẽ kiểm tra chứng từ KS9 đã được làm hay chưa. Điều kiện cần phải có chứng từ KS9 mới tiếp tục làm chứng từ KS5.
+ Nếu NSD chưa làm KS9: Hệ thống sẽ có thông báo yêu cầu tạo KS9.

Chọn bể, vòi bơm cho kiểm kê

Cẩn xuất KS9 đầy đủ trước khi xuất chứng từ kiểm kê KS9!

Ngày giờ kiểm kê: 6/1/2023 17:30

Hoặc chọn từ ca đã có số chốt

HÀNG HÓA	MÃ BỂ /Vòi bơm	TĐH	TÊN BỂ /Vòi bơm
Xăng RON 92-II	888	Y	Bể 8 - E5
	8810		C1_R92_AA072691
	8830		Vòi 30 _ E5
	8831		Vòi 31 _ E5
Xăng RON 95-II	885	Y	Bể 6_E5
	8813		C1_E5-R92_AA072691
	8814		C1_E5-R92_AA072691
	8816		C1_R92_AA072691
Xăng RON 95-II	887	Y	Bể 7 - RON 95-II
	8815		Vòi 15_95 IV
	8822		Vòi 22 _ R95
	8823		Vòi 23 _ R95
	8824		Vòi 24_R95_AA091267
Xăng E5 RON 92-II	883	Y	Bể 3 - E5-RON92
	8805	Y	Vòi 5_E5
	8811		C1_E5-R92_AA072691
	8826		Vòi 26 _ E5-R92_AA072691
Xăng RON95-IV	882	Y	Bể 2 - R95-IV
	8801	Y	Vòi 1_95 IV
	8802	Y	Vòi 2_95 IV
	8807		C5_R92_AA091267
	8808		Vòi 8_95 IV
	8809		Vòi 9_95 IV
	8821		Vòi 21 _ R95
	8829		Vòi 29_RON95-IV_AA091267
DO 0.05S-II	881	Y	Bể 1 - DO 0.05S-II
	8804	Y	Vòi 4_Do 0.05S-II
	8820		Vòi 20 _ DO 0.05S
	8825		Vòi 25_DO_AA091550
	8827		Vòi 27_DO_0.001S-V_AA061305
DO 0.05S-II	884	Y	Bể 4 - DO 0.05S-II
	8803	Y	Vòi 3_DO_0.05S-II
	8806	Y	Vòi 6_DO005
	8812		Vòi 12 _ DO 0.05S II
	8817		Vòi 17 _ DO 0.05S

+ Nếu NSD đã làm KS9: Hệ thống sẽ cho phép NSD thực hiện các bước tiếp theo của KS5.

- Các bước thực hiện Kiểm kê XDS (KS5)

Trường hợp bể có Đo mức tự động

Bước 1:

Trường hợp 1: Kiểm kê số liệu bể tại thời điểm hiện hành

Từ menu CHXD\Kho, chọn chức năng Kiểm kê XDS, tích chọn các bể tự động chọn vòi bơm cần kiểm kê, điền thông tin Ngày giờ kiểm kê rồi ấn nút Next.

Chọn bể, vòi bơm cho kiểm kê

Ngày-giờ kiểm kê: 27/5/2026 13:30

NEXT >>

Hoặc chọn từ ca đã có số chốt

NEXT >>

Sử dụng ngày giờ chứng từ WS3 để làm ngày giờ kiểm kê

HÀNG HÓA	MÃ BỂ /Vòi bơm	TĐH	TÊN BỂ /Vòi bơm
Xăng E5 RON 92 Mức 2	630003	Y	Bể 3 - Xăng E5 RON 92 Mức 2 (mới)
	630003	Y	Vòi 3 - Xăng E5 RON 92 Mức 2
	630006	Y	Vòi 6 - Xăng E5 RON 92 mức 02 (mới)
Xăng E10 RON 95 Mức 3	630066	Y	Bể 1 - Xăng E10 RON 95 Mức 3
	630011		Vòi 1 - Xăng E10 RON 95 mức 3
Xăng E10 RON 95 Mức 5	63008		Bể 8 - E10 -95 mức 5
	630010		Vòi 10 - Xăng E10 RON 95 mức 5
Xăng RON 95 Mức 3	63002	Y	Bể 2 - Đồi từ E5 sang xăng 95 mức 3
	630001	Y	Vòi 1 - Xăng RON 95 Mức 3
	630002		Vòi 2 - Xăng E5 RON 92 Mức 2
Xăng RON95-IV	63019		Bể 5 - Đồi từ E5 sang 95-IV
	630004	Y	Vòi 4 - Xăng 95-IV
	630009	Y	Vòi 9 - Xăng RON 95 mức 3
	630012	Y	Vòi 2 - Xăng RON 95 Mức 3
Dầu Diêzen 0,05S Mức 2	63004	Y	Bể 4 - Dầu Diêzen 0,05S Mức 2
	630005	Y	Vòi 5_Dầu Diêzen 0,05S Mức 2

- Load TĐH thành công: Chương trình không cho phép sửa, các trường số liệu sẽ mờ đi

Chênh lệch Kiểm kê XDS

Ngày giờ: 27/5/2026 13:30

Phân do bể: [Chọn bể cần kiểm kê] [Chọn số bể cần kiểm kê] [Chọn số bể cần kiểm kê] [Chọn số bể cần kiểm kê]

Bể chứa	Nhiệt độ	Tỷ trọng 15	VCF	WCF	Hc	Hn	Vc	Vn	TĐH	Mục đích đo	Thời gian đo	Mã bể	Người đo	Hàng hóa	Tỷ trọng TT	Vtt	Vtt L15
630003 - Bể 3 - Xăng E5 RON 92 Mức 2 (mới)	25.45	827.14	0.9909	0.829	500	2	2161	0	1	10 - So kiểm kê	27/5/2026 13:30	0	2120930 - CH003 - CHT	0201004 - Xăng E5 RON 92 Mức 2	746	2 161.00	2 141
630002 - Bể 2 - Đồi từ E5 sang xăng 95 mức 3	25.45	799	0.9909	0.7979	235	2	720	0	1	10 - So kiểm kê	27/5/2026 13:30	0	2120930 - CH003 - CHT	0201002 - Xăng RON 95 Mức 3	746	720.00	713
63019 - Bể 5 - Đồi từ E5 sang 95-IV	25.12	789.39	0.9904	0.7893	250	0	760	0	0	10 - So kiểm kê	27/5/2026 13:30	0	2120930 - CH003 - CHT	0201042 - Xăng RON95-IV	746	760.00	732
63004 - Bể 4 - Dầu Diêzen 0,05S Mức 2	25.45	870	0.9919	0.8699	235	2	720	0	1	10 - So kiểm kê	27/5/2026 13:30	0	2120930 - CH003 - CHT	0201002 - Dầu Diêzen 0,05S Mức 2	746	720.00	714

- Load TĐH lỗi: Các cột sẽ sáng lên cho phép cập nhật vào

Bước 2:

- Cập nhật các thông tin Tỷ trọng TT. Các thông tin kiểm kê và sổ sách được tự động cập nhật trong tab Thừa thiếu kiểm kê. Chọn Lưu để hoàn thành tạo chứng từ nhập thừa hoặc xuất thiếu kiểm kê (các thông tin tại tab Phân đo bể không để trống).

Chênh lệch Kiểm kê XDS									
Ngày giờ: 27/5/2026 13:30 Ghi chú (header):									
Phân đo bể Thừa thiếu kiểm kê Chốt số đo vòi bơm Chi tiết tồn LTT theo vận đơn Hao hụt định mức									
/ Ghi chú:									
	Hàng hóa	Tồn thực tế	Tồn sổ sách	Thừa/thiếu hàng	Tồn đường ống	Tồn thực tế - L15	Tồn bể	Tồn bể - L15	Nhập Xuất
1	0201004 - Xăng E5 RON 92 Mức 2	2 237.00	2 237.00	0.00	76.00	2 216	2 161.00	2 141.00	
2	0201032 - Xăng RON 95 Mức 3	720.00	720.00	0.00	0.00	713	720.00	713.00	
3	0201042 - Xăng RON95-IV	76.00	1 368.00	-1 292.00	76.00	0	0.00	0.00	
4	0601002 - Dầu Diesel 0,05S Mức 2	751.150	751.150	0.00	31.150	745	720.00	714.00	

Chênh lệch Kiểm kê XDS									
Ngày giờ: 27/5/2026 13:30 Ghi chú (header):									
Phân đo bể Thừa thiếu kiểm kê Chốt số đo vòi bơm Chi tiết tồn LTT theo vận đơn Hao hụt định mức									
/ Ghi chú:									
	Vòi bơm	Số chốt	Số TDH	Có TDH	T gian Agas trả KQ về	Mã lỗi	Hàng hoá	Bể	
1	630003 - Vòi 3 - Xăng E5 RON 92 M	57702.88	57702.88	1	27/5/2026 14:25	0	0201004 - Xăng E5 RON 92 Mức 2	63003 - Bể 3 - Xăng E5 RON 92 Mức 2 (mới)	×
2	630006 - Vòi 6 - Xăng E5 RON 92 m	72382.73	72382.73	1	27/5/2026 14:25	0	0201004 - Xăng E5 RON 92 Mức 2	63003 - Bể 3 - Xăng E5 RON 92 Mức 2 (mới)	×
3	630001 - Vòi 1 - Xăng RON 95 Mức	72680.38	72680.38	1	27/5/2026 14:26	0	0201032 - Xăng RON 95 Mức 3	63002 - Bể 2 - Đổ từ E5 sang xăng 95 mức 3	×
4	630002 - Vòi 2 - Xăng E5 RON 92 M	72 050.66	0.000	0		0	0201032 - Xăng RON 95 Mức 3	63002 - Bể 2 - Đổ từ E5 sang xăng 95 mức 3	×
5	630004 - Vòi 4 - Xăng 95-IV	51663.97	51663.97	1	27/5/2026 14:26	0	0201042 - Xăng RON95-IV	63019 - Bể 5 - Đổ từ E5 sang 95-IV	×
6	630009 - Vòi 9 - Xăng RON 95 mức	75 560.89	0.000	1	27/5/2026 14:26	412	0201042 - Xăng RON95-IV	63019 - Bể 5 - Đổ từ E5 sang 95-IV	×
7	630012 - Vòi 2 - Xăng RON 95 Mức	65471.91	65471.91	1	27/5/2026 14:26	0	0201042 - Xăng RON95-IV	63019 - Bể 5 - Đổ từ E5 sang 95-IV	×
8	630005 - Vòi 5 - Dầu Diesel 0,05S M	51467.41	51467.41	1	27/5/2026 14:26	0	0601002 - Dầu Diesel 0,05S Mức 2	63004 - Bể 4 - Dầu Diesel 0,05S Mức 2	×

Đã cập nhập chứng từ, số: KS5.364.

Biên bản kiểm kê XDS

(eval ms:1630. trans ms:1206)

Trường hợp 2: Kiểm kê lấy theo số liệu chốt bể cột bơm của ca đã chốt chứng từ WS3

Từ menu CHXD\Kho, chọn chức năng Kiểm kê XDS, tích chọn các bể tự động chọn vòi bơm cần kiểm kê, chọn ca cần lấy số liệu chốt bể/ vòi bơm rồi ấn nút Next.

Chọn bể, vòi bơm cho kiểm kê									
Ngày-giờ kiểm kê: 27/5/2026 16:08 NEXT >>									
☒ HÀNG HÓA ☒ Xăng E5 RON 92 Mức 2 630003 Y Bể 3 - Xăng E5 RON 92 Mức 2 (mới) ☒ ☐ Xăng E10 RON 95 Mức 3 630006 Y Vòi 3 - Xăng E5 RON 92 Mức 2 ☒ ☐ Xăng E10 RON 95 Mức 5 630011 Y Vòi 6 - Xăng E5 RON 92 mức 02 (mới) ☒ ☒ Xăng RON 95 Mức 3 630008 Bể 1 - Xăng E10 RON 95 mức 3 ☐ ☒ Xăng RON95-IV 630010 Bể 8 - E10 -95 mức 5 ☐ ☐ Dầu Diesel 0,05S Mức 2 630001 Y Vòi 10 - Xăng E10 RON 95 mức 5 ☐ ☐ 630002 Y Bể 2 - Đổ từ E5 sang xăng 95 mức 3 ☒ ☐ 630004 Y Vòi 1 - Xăng RON 95 mức 3 ☒ ☐ 630002 Y Vòi 2 - Xăng E5 RON 92 Mức 2 ☒ ☐ 630019 Bể 5 - Đổ từ E5 sang 95-IV ☒ ☐ 630004 Y Vòi 4 - Xăng 95-IV ☒ ☐ 630009 Y Vòi 9 - Xăng RON 95 mức 3 ☒ ☐ 630012 Y Vòi 2 - Xăng RON 95 Mức 3 ☒ ☐ 630004 Y Bể 4 - Dầu Diesel 0,05S Mức 2 ☒ ☐ 630005 Y Vòi 5 - Dầu Diesel 0,05S Mức 2 ☒									
Hoặc chọn từ ca đã có số chốt: 26052601 - tungpt111 (WS3.9428) NEXT >> ☒ Sử dụng ngày giờ chứng từ WS3 để làm ngày giờ kiểm kê									

Chênh lệch Kiểm kê XDS									
Ngày giờ: 26/5/2026 14:57 Ghi chú (header):									
Phân đo bể Thừa thiếu kiểm kê Chốt số đo vòi bơm Chi tiết tồn LTT theo vận đơn Hao hụt định mức									
/ Ghi chú:									
	Bể chứa	Nhiệt độ	Tỷ trọng	VCF	WCF	Hc	Hn	Vc	Vn
1	63019 - Bể 5 - Đổ từ E5 sang 95-IV 0201042	25.12	789.38	0.9904	0.7883	250	0	790	0
2	63003 - Bể 3 - Xăng E5 RON 92 Mức 2 (mới) 02	25.12	827.14	0.9913	0.826	500	2	2 161	0
3	63004 - Bể 4 - Dầu Diesel 0,05S Mức 2 060100	25.12	870	0.9919	0.8689	235	2	720	0
4	63002 - Bể 2 - Đổ từ E5 sang xăng 95 mức 3 02	25.12	789	0.9904	0.7879	235	2	720	0

Trường hợp bể không có Đo mức tự động

- Cập nhật các thông tin bể chứa (nếu hệ thống TĐH đo bể không có hoặc lỗi): nhiệt độ, tỷ trọng được mặc định là số được khai báo tại Hệ thống/cấu hình CHXD/ Cập nhật nhiệt độ/ tỷ trọng bể chứa. Cập nhật nhiệt độ, tỷ trọng 15, Tỷ trọng TT, Hc, Hn Hn để chương trình tự động tính ra Vc, Vn, V tt, V tại L15 và lấy giá trị nguyên. Cập nhật tab Số đo vòi bơm; Phần Thừa thiếu kiểm kê thể hiện lượng hàng thừa/thiếu. Chọn Lưu để hoàn thành tạo chứng từ nhập thừa hoặc xuất thiếu kiểm kê (các thông tin tại tab Phần đo bể không để trống)

Chênh lệch Kiểm kê XDS

Ngày giờ: 27/5/2026 13:30 Ghi chú (header):

Phân đo bể: Thừa thiếu kiểm kê Chốt số đo vòi bơm Chi tiết tồn LTT theo vận đơn Hao hụt định mức

/ Ghi chú:

	Bể chứa	Nhiệt độ	Tỷ trọng 15	VCF	WCF	Hc	Hn	Vc	Vn	TĐH	Mục đích đo	Thời gian đo	Nhà số	Người đo	Hàng hóa	Tỷ trọng TT	V tt	V tại L15
		(x1000)														(x1000)		
1	63003 - Bể 3 - Xăng E5 RON 92 Mức 2 (mô)	25.45	827.14	0.9608	0.828	500	2	2181	0	1	10 - Số kiểm kê	27/5/2026 13:53	0	212030 - CH03 - CHT	0201004 - Xăng E5 RON 92 Mức 2	745	2 181.00	2 141.00
2	63002 - Bể 2 - Dầu từ E5 sang xăng 95 mức 3	25.45	788	0.9608	0.7879	235	2	720	0	1	10 - Số kiểm kê	27/5/2026 13:53	0	212030 - CH03 - CHT	0201003 - Xăng RON 95 Mức 3	745	720.00	713.00
3	63010 - Bể 5 - Dầu từ E5 sang 95-IV	25.12	788.33	0.9604	0.7883	250	0	760.0	0	0	10 - Số kiểm kê			212030 - CH03 - CHT	0201042 - Xăng RON 95-IV	745	760.00	782.00
4	63004 - Bể 4 - Dầu từ E5 sang 0.05S Mức 2	25.45	819	0.9619	0.8059	235	2	740	0	1	10 - Số kiểm kê	27/5/2026 13:53	0	212030 - CH03 - CHT	0201002 - Dầu Điệnzen 0.05S Mức 2	745	720.00	714.00

- Nếu “Ngày giờ kiểm kê” là ngày cuối tháng, hệ thống sẽ tính toán L15 tồn thực tế tại cửa hàng và lưu tại tab “Thừa thiếu kiểm kê” (công thức xác định L15 tồn thực tế được trình bày ở [Phụ lục 2](#))

Chênh lệch Kiểm kê XDS

Ngày giờ: 27/5/2026 13:30 Ghi chú (header):

Phân đo bể: Thừa thiếu kiểm kê Chốt số đo vòi bơm Chi tiết tồn LTT theo vận đơn Hao hụt định mức

/ Ghi chú:

	Hàng hóa	Tồn thực tế	Tồn sổ sách	Thừa/thiếu hàng	Tồn đường ống	Tồn thực tế - L15	Tồn bể	Tồn bể - L15
1	0201004 - Xăng E5 RON 92 Mức 2	2 237.00	2 237.00	0.00	76.00	2 216	2 161.00	2 141.00
2	0201032 - Xăng RON 95 Mức 3	720.00	720.00	0.00	0.00	713	720.00	713.00
3	0201042 - Xăng RON 95-IV	76.00	1 368.00	-1 292.00	76.00	0	0.00	0.00
4	0601002 - Dầu Điệnzen 0.05S Mức 2	751.150	751.150	0.00	31.150	745	720.00	714.00

Lưu ý:

- Tại tab “Chốt số đo vòi bơm” hệ thống ghi nhận các thông tin liên quan đến TĐH gồm:
 - Số chốt: Số chốt tại thời điểm kiểm kê. Nếu chốt bằng TĐH thì người dùng không sửa được số này. Ngược lại, người dùng được phép nhập số chốt thủ công.
 - Số TĐH: Số chốt ghi nhận được từ hệ thống TĐH
 - Có TĐH: Có kết nối TĐH (1: Có/ 0: không)
 - T.gian Agas trả KQ về: Thời gian ghi nhận kết quả trả về từ Agas
 - Mã lỗi: Lỗi chốt (0: không lỗi/ Khác: Có lỗi)
 - Hàng hóa: Mã hàng hóa được gán vòi
 - Bể: Bể được gán vào vòi bơm
- Với các cửa hàng không có TĐH bể thì thực hiện cập nhật thông tin tại tab Phần đo bể: Nhiệt độ, tỷ trọng 15, tỷ trọng TT, Hc, Hn để chương trình tự động tính ra Vc, Vn, V tt, V tại L15
- Cập nhật giá trị D15 và DTT tại chương trình ta lấy D15 (DTT) * 1000
- Tỷ trọng 15 sẽ được tự động tính lại khi cập tỷ trọng thực tế

2.6 Bổ sung nhóm quyền CH8 khi làm Kiểm kê XDS – KS5

- Người dùng được phân nhóm quyền CH8 khi làm kiểm kê XDS – KS5 sẽ có đo mức tự động chương trình sẽ bật sáng nút tích TĐH và cho phép người dùng bỏ tích TĐH

Người dùng được phân nhóm quyền CH8

- Từ menu Nhập - xuất, chọn chức năng Kiểm kê XDS, tích chọn các bể tự động chọn vòi bơm cần kiểm kê, nếu người dùng được phân quyền CH8 chương trình tự động bật nút sáng TĐH và cho phép bỏ tích TĐH

Chọn bể, vòi bơm cho kiểm kê

Ngày-giờ kiểm kê: 27/5/2026 15:09 NEXT >>

☒ HÀNG HÓA	MÃ BỂ /Vòi bơm	TĐH	TÊN BỂ /Vòi bơm	☐
☒ Xăng E5 RON 92 Mức 2	63003	☒	Bể 3 - Xăng E5 RON 92 Mức 2 (mới)	☒
	630003	☒	Vòi 3 - Xăng E5 RON 92 Mức 2	☒
	630006	☒	Vòi 6 - Xăng E5 RON 92 mức 02 (mới)	☒
☐ Xăng E10 RON 95 Mức 3	630066	☐	Bể 1 - Xăng E10 RON 95 Mức 3	☐
	630011	☐	Vòi 1 - Xăng E10 RON 95 mức 3	☐
☐ Xăng E10 RON 95 Mức 5	63008	☐	Bể 8 - E10 -95 mức 5	☐
	630010	☐	Vòi 10 - Xăng E10 RON 95 mức 5	☐
☒ Xăng RON 95 Mức 3	63002	☒	Bể 2 - Đổi từ E5 sang xăng 95 mức 3	☒
	630001	☒	Vòi 1 - Xăng RON 95 Mức 3	☒
	630002	☒	Vòi 2 - Xăng E5 RON 92 Mức 2	☒
☒ Xăng RON95-IV	63019	☒	Bể 5 - Đổi từ E5 sang 95-IV	☒
	630004	☒	Vòi 4 - Xăng 95-IV	☒
	630009	☒	Vòi 9 - Xăng RON 95 mức 3	☒
	630012	☒	Vòi 2 - Xăng RON 95 Mức 3	☒
☒ Dầu Diesel 0,05S Mức 2	63004	☒	Bể 4 - Dầu Diesel 0,05S Mức 2	☒
	630005	☒	Vòi 5 - Dầu Diesel 0,05S Mức 2	☒

Hoặc chọn từ ca đã có số chốt: NEXT >>

☒ Sử dụng ngày giờ chứng từ WS3 để làm ngày giờ kiểm kê

Người dùng không có nhóm quyền CH8

- Từ menu Nhập - xuất, chọn chức năng Kiểm kê XDS, tích chọn các bể tự động chọn vòi bơm cần kiểm kê, nếu người dùng không có nhóm quyền CH8 chương trình tự động mặc định TĐH chữ Y và không cho phép sửa

Chọn bể, vòi bơm cho kiểm kê

Ngày-giờ kiểm kê: 27/5/2026 13:30 NEXT >>

☒ HÀNG HÓA	MÃ BỂ /Vòi bơm	TĐH	TÊN BỂ /Vòi bơm	☐
☒ Xăng E5 RON 92 Mức 2	63003	Y	Bể 3 - Xăng E5 RON 92 Mức 2 (mới)	☒
	630003	Y	Vòi 3 - Xăng E5 RON 92 Mức 2	☒
	630006	Y	Vòi 6 - Xăng E5 RON 92 mức 02 (mới)	☒
☐ Xăng E10 RON 95 Mức 3	630066	Y	Bể 1 - Xăng E10 RON 95 Mức 3	☐
	630011		Vòi 1 - Xăng E10 RON 95 mức 3	☐
☐ Xăng E10 RON 95 Mức 5	63008		Bể 8 - E10 -95 mức 5	☐
	630010		Vòi 10 - Xăng E10 RON 95 mức 5	☐
☒ Xăng RON 95 Mức 3	63002	Y	Bể 2 - Đổi từ E5 sang xăng 95 mức 3	☒
	630001	Y	Vòi 1 - Xăng RON 95 Mức 3	☒
	630002		Vòi 2 - Xăng E5 RON 92 Mức 2	☒
☒ Xăng RON95-IV	63019		Bể 5 - Đổi từ E5 sang 95-IV	☒
	630004	Y	Vòi 4 - Xăng 95-IV	☒
	630009	Y	Vòi 9 - Xăng RON 95 mức 3	☒
	630012	Y	Vòi 2 - Xăng RON 95 Mức 3	☒
☒ Dầu Diesel 0,05S Mức 2	63004	Y	Bể 4 - Dầu Diesel 0,05S Mức 2	☒
	630005	Y	Vòi 5 - Dầu Diesel 0,05S Mức 2	☒

Hoặc chọn từ ca đã có số chốt: NEXT >>

☒ Sử dụng ngày giờ chứng từ WS3 để làm ngày giờ kiểm kê

3. Phụ lục 1- Công thức tính toán tại Tab “Hạch toán” trên chứng từ SR1

- LTT thực nhập trên vận đơn:
$$LTT_{sr1} = LTT \text{ vận đơn} - ĐCNB$$
- L15 thực nhập trên vận đơn:
$$L15_{sr1} = [L15 \text{ vận đơn} * (LTT \text{ vận đơn} - ĐCNB)] / LTT \text{ vận đơn}$$
- Kg thực nhập trên vận đơn:
$$Kg_{sr1} = [Kg \text{ vận đơn} * (LTT \text{ vận đơn} - ĐCNB)] / LTT \text{ vận đơn}$$

Trong đó:

$$Kg \text{ vận đơn} = (LTT \text{ trên tab Vận đơn} - ĐCNB \text{ trên tab Vận đơn}) * WCF$$
- V.Bể = VTT sau nhập (tab "Phân đo bể") - VTT trước nhập (tab "Phân đo bể") + Số xuất bán qua vòi tương ứng với bể (tab "Số đo vòi bơm chót")
- LTT hạch toán
 - + Đối với các bể đầu :
$$\text{Lít TT hạch toán} = \text{VTT sau nhập (tab "Phân đo bể")} - \text{VTT trước nhập (tab "Phân đo bể")} + \text{Số xuất bán qua vòi tương ứng với bể (tab "Số đo vòi bơm chót")}$$
 - + Đối với bể cuối cùng:
$$\text{Lít TT hạch toán} = LTT_{sr1} - \text{Lít TT hạch toán đã ghi nhận ở các bể trước}$$
- L15:
 - + Đối với các bể đầu:
$$L15 \text{ bể} = (LTT \text{ hạch toán bể} / LTT_{sr1}) * L15_{sr1}$$
 - + Đối bể cuối cùng
$$L15 \text{ bể} = L15_{sr1} - L15 \text{ các bể trước } \sum Kg = (LTT \text{ trên tab Vận đơn} - ĐCNB \text{ trên tab Vận đơn}) * WCF$$
- Kg:
 - + Đối với các bể đầu:
$$Kg \text{ bể} = (LTT \text{ hạch toán bể} / LTT_{sr1}) * Kg_{sr1}$$
 - + Đối với bể cuối
$$Kg \text{ bể} = Kg_{sr1} - Kg \text{ các bể trước}$$
- V.chênh lệch
 - + Đối với các bể đầu:
$$V. \text{Chênh lệch bể} = \frac{LTT \text{ hạch toán bể}}{LTT_{SR1}} * (LTT_{sr1} - LTT \text{ trên tab số đo phương tiện})$$
 - + Đối với bể cuối
$$V. \text{chênh lệch bể} = (LTT_{sr1} - LTT \text{ trên tab Số đo phương tiện}) - V. \text{chênh lệch đã ghi nhận ở các bể trước}$$

- V. giãn nở
 - + Đối với các bể đầu:

$$V. \text{Giãn nở bể} = \frac{LTT \text{ hạch toán bể}}{LTT_{SR1}} * (LTT_{sr1} - LTT \text{ trên tab số đo phương tiện}) \\ * (\text{nhiệt độ vận đơn} - \text{nhiệt độ tab số đo phương tiện}) * \text{Hệ số giãn nở}$$

- + Đối với bể cuối

V.giãn nở bể = (LTT_sr1 - LTT trên tab Số đo phương tiện)*(nhiệt độ vận đơn – nhiệt độ tại tab số đo phương tiện)*Hệ số giãn nở - V.giãn nở đã ghi nhận ở các bể trước

- V.định mức
 - + Đối với các bể đầu:

$$V. \text{Định mức bể} = \frac{LTT \text{ hạch toán bể}}{LTT_{SR1}} * LTT_{sr1} \\ * \text{Hệ số hao hụt trong Giao hao hụt định mức vận chuyển} * \text{Km từ kho đến CH}$$

- + Đối với bể cuối

V.định mức = LTT_sr1 * Hệ số hao hụt trong Giao hao hụt định mức vận chuyển * Km từ kho đến CH. - V.định mức đã ghi nhận ở các bể trước

- V.thừa thiếu = V chênh lệch - V. giãn nở - V định mức

4. Phụ lục 2: Công thức tính L15 tồn thực tế cuối tháng

- Tại tab “Thừa thiếu kiểm kê” bổ sung thêm cột “Tồn thực tế L15” để tính L15 tồn thực tế tại thời điểm cuối tháng

- + Nguyên tắc tính: Hệ thống chỉ tính L15 tồn khi chứng từ KS5 được tạo vào ngày cuối của tháng

- + Cách thức tính:

$$V15\text{tonkho} = V\text{tttonkho} * VCF\text{tonkho}$$

Trong đó:

VCFtonkho được xác định căn cứ D15vd của chứng từ SR1 nhập gần nhất và nhiệt độ hàng hóa bể nhập (*) tại thời điểm kiểm kê

Trường hợp Vtttonkho > Vttvd của chứng từ SR1 nhập gần nhất thì V15tonkho được tính bằng tổng lượng V15tonkho được tính toán thông qua lượng Vtt tương ứng với Vttvd các chứng từ SR1 theo nguyên tắc FIFO (căn cứ theo thời gian của chứng từ SR1)